

Bản án số: 32/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28/4/2021

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Huỳnh Minh Trí.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Túy Phượng;
2. Ông Nguyễn Văn Đức.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Đoàn Phạm Thanh Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương*** tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương xét xử công khai vụ án thụ lý số: 89/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị Tố N, sinh năm 1993; thường trú tại: Số 311, ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Nam C, sinh năm 1988; thường trú tại: 38/4, khu phố Đ, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

***\* Tại đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 01 năm 2021 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn – bà Huỳnh Thị Tố N trình bày:***

Bà N và ông Lê Nam C chung sống vợ chồng với nhau từ năm 2019, có đăng ký kết hôn tại phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 18/2019, quyền số 10 ngày 10/01/2019.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Lê Huỳnh An N, sinh ngày 27/6/2019.

Quá trình chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên không hòa hợp, hai vợ chồng thường xuyên cãi vã.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn nên bà N khởi kiện yêu cầu như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Lê Nam C.

Về con chung: Sau khi ly hôn bà N yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Lê Huỳnh An N, sinh ngày 27/6/2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.*

***Bản tự khai ngày 01 tháng 02 năm 2021 và quá trình tố tụng bị đơn – ông Lê Nam C trình bày:***

Ông C thống nhất lời trình bày của bà N về quan hệ hôn nhân, thời gian kết hôn, con chung.

Ông C không đồng ý ly hôn với bà N vì xác định còn tình cảm với bà N. Ông C mong bà N suy nghĩ lại để hàn gắn tình cảm vợ chồng vì nếu ly hôn con cái sẽ bị thiếu tình thương cha mẹ. Và con gái cũng còn rất nhỏ cần sự chăm sóc của cả cha và mẹ.

Vị đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về xét xử sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn vắng mặt lần hai đối với việc xét xử.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử như sau: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” của nguyên đơn

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] Về quan hệ pháp luật: Bà Huỳnh Thị Tô N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Lê Nam C và yêu cầu được nuôi con chung nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn – ông Lê Nam C có nơi cư trú tại khu phố Đ, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương vì vậy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương là Tòa án có thẩm quyền giải quyết.

[3] Về việc xét xử vắng mặt: Nguyên đơn- bà Huỳnh Thị Tố N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn – ông Lê Nam C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[4] Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa bà Huỳnh Thị Tố N và ông Lê Nam C được xác lập trên cơ sở tự nguyện vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 18/2010 ngày 10/01/2019 nên là hôn nhân hợp pháp.

Bà Huỳnh Thị Tố N khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Lê Nam C với lý do vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên không hòa hợp, hai vợ chồng thường xuyên cãi vã. Vợ chồng đã sống riêng nhau từ tháng 8/2020 cho đến nay, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai.

Quá trình tố tụng Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của vợ chồng bà N và ông C tại nơi cư trú của vợ chồng nhưng không ai có thông tin gì về việc vợ chồng bà N và ông C mâu thuẫn. Tuy nhiên qua làm việc với ông C đều xác định vợ chồng đã sống riêng nhau từ tháng 8 năm 2020 cho đến nay và từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, Tòa án đã tổ chức hòa giải nhưng tình trạng hôn nhân của ông C và bà N vẫn không được cải thiện. Xét thấy: Quan hệ hôn nhân tồn tại bền vững dựa trên tình cảm của vợ chồng, sống có trách nhiệm, thương yêu, chăm sóc, quan tâm lẫn nhau. Vợ chồng bà N và ông C vì không còn tình cảm với nhau nên đã sống riêng với nhau khoảng 10 tháng nay, không ai quan tâm đến ai, mạnh ai nấy sống nên xác định tình trạng hôn nhân của vợ chồng bà N và ông C không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc. Do tình trạng hôn nhân của bà N và ông C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N về việc ly hôn với ông C.

Về con chung: Sau khi ly hôn bà N yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Lê Huỳnh An N, sinh ngày 27/6/2019 chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, xét thấy: Từ khi vợ chồng sống riêng, các con sống chung với bà N. Bà N nuôi con tốt, có trách nhiệm với con cái nên cháu Nhiên phát triển bình thường, khỏe mạnh. Do vậy cần tiếp tục duy trì việc nuôi con của bà N là đồng thời đảm bảo sự ổn định, đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con.

Về cấp dưỡng: Bà N không yêu cầu ông C cấp dưỡng nên ông C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Khoản 3 Điều 228, Điều 244, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015

- Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Tố N đối với ông Lê Nam C về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Tố N được ly hôn với ông Lê Nam C.

- Về con chung:

\*Giao con chung tên Lê Huỳnh An N, sinh ngày 27/6/2019 cho bà Huỳnh Thị Tố N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng: Ông Lê Nam C không phải cấp dưỡng nuôi con

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0053542 ngày 18/01/2021 của Cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Dương;
- Chánh án (để báo cáo);
- VKSND thành phố T;
- Chi cục THADS thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Huỳnh Minh Trí**